

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2021/DS-ST

Ngày 21/10/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2021/TLST-DS, ngày 27 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXX-ST ngày 20 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều N; địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị H; địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Bùi Minh T; địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Thái Huy D; địa chỉ: Thôn Đ, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông – Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: Số 265 H, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắc Lắc – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Ngày 10/4/2019 bà Nguyễn Thị Kiều N và ông Bùi Minh T có cho bà Lê Thị H vay số tiền 2.388.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm tám mươi tám triệu đồng), bà H hẹn ngày 10/7/2019 sẽ thanh toán số tiền nợ cho bà N, ông T. Số tiền bà H nợ là tài sản chung của bà N, ông T trong thời kỳ hôn nhân.

Ngày 24/5/2019 bà N đã ký hợp đồng ủy quyền với Công ty TNHH dịch vụ hồ

trợ thu nợ tài chính Toàn Quốc (Công ty thu hồi nợ) do ông Nguyễn Văn Đ; địa chỉ: Số 265 H, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk làm đại diện, nội dung của hợp đồng ủy quyền thể hiện bà N ủy quyền toàn phần cho Công ty thu hồi nợ tư vấn pháp lý, soạn thảo hồ sơ giấy tờ, làm đại diện ủy quyền liên hệ công việc với cơ quan tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nhằm giải quyết khoản nợ của bà H với bà N, ông T. Ngày 30/8/2019 Công ty thu hồi nợ đã làm văn bản thỏa thuận với bà Lê Thị H để gia hạn số nợ 2.388.000.000 đồng thành 03 đợt (đợt 01 bà H thanh toán cho ông T, bà N số tiền 800.000.000 đồng vào ngày 31/12/2020; đợt 02 bà H thanh toán cho ông T, bà N số tiền 800.000.000 đồng vào ngày 31/12/2021; đợt 03 bà H thanh toán cho ông T, bà N số tiền 788.000.000 đồng).

Số tiền 2.388.000.000 đồng bà H nợ là tài sản chung của bà N, ông T, đối với số tiền 1.194.000.000 đồng của ông Bùi Minh T thì Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã buộc bà H phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông T, còn phần tiền còn lại của tôi là 1.194.000.000 đồng thì bà H vẫn không chịu thanh toán cho bà N, hiện hợp đồng ủy quyền của bà N với Công ty thu hồi nợ đã hết hiệu lực, vì theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 6 Luật đầu tư năm 2020 thì từ ngày 01/01/2021 ngành nghề kinh doanh dịch vụ đòi nợ được xếp vào ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Do đó bà Nguyễn Thị Kiều N làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil giải quyết buộc bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà N số tiền 1.194.000.000 đồng còn nợ và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 11/7/2019 cho đến khi thanh toán xong nợ

- Theo văn bản trình bày ý kiến của bị đơn bà Lê Thị H trong quá trình giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều N yêu cầu bà phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.194.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật thì bà không đồng ý, lý do bởi bà Nguyễn Thị Kiều N đã làm hợp đồng ủy quyền với công ty thu hồi nợ Toàn Quốc để công ty thu hồi nợ Toàn Quốc thay mặt bà N đứng ra lấy số tiền 2.388.000.000 đồng, do đó bà chỉ đồng ý trả số nợ 2.388.000.000 đồng cho Công ty TNHH dịch vụ và hỗ trợ thu hồi nợ tài chính Toàn Quốc có địa chỉ tại Số 265 H, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do ông Nguyễn Văn Đ làm đại diện.

- Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Minh T trong quá trình giải quyết vụ án: Ông đồng ý với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kiều N và không có ý kiến gì cần bổ sung thêm.

- Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Huy D trong quá trình giải quyết vụ án: Đối với ông Thái Huy D trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, T báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên ông D vẫn vắng mặt không có lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án: Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh

Đắk Nông đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, T báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kiều N số tiền 1.194.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều N được chấp nhận nên Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1], Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, bị đơn bà Lê Thị H có địa chỉ tại Thôn Đ, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn bà Lê Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thái Huy D: Đối với bà Lê Thị H và ông Thái Huy D, sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng bà H, ông D vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự vắng mặt của bà H, ông D đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn, do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt bà Lê Thị H, ông Thái Huy D theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ: Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, sau khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do chính đáng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Mặt khác sự vắng mặt của ông Đ đã không cung cấp được cho Tòa án chứng cứ

chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình và phản bác lại đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn; theo kết quả xác minh của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thì ông Nguyễn Văn Đ không có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 265 đường Hùng Vương, phường Tân Lập, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, ông Đ chỉ kê khai ly lịch để địa phương nắm và quản lý trên địa bàn, do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil tiến hành mở phiên tòa để xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Văn Đ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2], Về nội dung vụ án:

Ngày 10/4/2019 bà Lê Thị H có vay bà Nguyễn Thị Kiều N, ông Bùi Minh T số tiền 2.388.000.000 đồng (*Hai tỷ ba trăm tám mươi tám triệu đồng*), thời hạn thanh toán ngày 24/8/2019, về lãi suất các bên có thỏa thuận, tuy nhiên không thể hiện trong giấy tờ vay mượn, đối với số tiền 2.388.000.000 đồng bà H nợ là tài sản chung của ông T, bà N trong thời kỳ hôn nhân, đến ngày 24/5/2019 bà N ký hợp đồng ủy quyền thu hồi nợ với Văn phòng đại diện Công ty TNHH dịch vụ hỗ trợ thu hồi nợ tài chính Toàn Quốc (Công ty thu hồi nợ) do ông Nguyễn Văn Đ làm đại diện có trụ sở tại số 265 đường Hùng Vương, phường Tân Lập, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk để ủy quyền cho Công ty thu hồi nợ thay mặt bà N để lấy số tiền 2.388.000.000 đồng bà Lê Thị H nợ, khi bà N ký hợp đồng ủy quyền với Công ty thu hồi nợ thì ông T không biết, ông T không xác lập quan hệ ủy quyền với Công ty thu hồi nợ về số tiền 2.388.000.000 đồng bà H nợ.

Ngày 30/8/2019 Công ty thu hồi nợ đã thay mặt bà N lập văn bản thỏa thuận với bà Lê Thị H về việc gia hạn số nợ 2.388.000.000 đồng, việc gia hạn nợ được chia làm 03 lần (lần một bà H có nghĩa vụ thanh toán cho ông T, bà N số tiền 800.000.000 đồng vào ngày 31/12/2020; lần hai bà H có nghĩa vụ thanh toán cho ông T, bà N số tiền 800.000.000 đồng vào ngày 31/12/2021; lần ba bà H có nghĩa vụ thanh toán cho ông T, bà N số tiền 788.000.000 đồng vào ngày 31/12/2022). Đối với số nợ 1.194.000.000 đồng bà H nợ ông Bùi Minh T đã được giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số 45/2021/DSST ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Do đó Tòa án công nhận hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị Kiều N và bà Lê Thị H là có thật và hợp pháp.

Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; Khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

[3], Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

3.1 Về nguồn gốc hình thành số tiền 2.388.000.000 đồng: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Kiều N, ông Bùi Minh T thừa nhận số tiền 2.388.000.000 đồng cho bà Lê Thị H vay ngày 10/4/2019 được hình thành trong quá trình sản xuất, kinh doanh và là tài sản chung của ông T, bà N, số tiền trên mỗi người có quyền định đoạt $\frac{1}{2}$ tài sản, do đó Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil công nhận số tiền 2.388.000.000 đồng là tài sản chung của ông Bùi Minh T, bà Nguyễn Thị Kiều N.

3.2 Về hiệu lực của hợp đồng ủy quyền thu hồi nợ: Theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 6 Luật đầu tư năm 2020 thì từ ngày 01/01/2021 ngành nghề kinh doanh dịch vụ đòi nợ được xếp vào ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định của luật. Do đó hợp đồng ủy quyền thu hồi nợ được ký kết ngày 24/5/2019 giữa bà Nguyễn Thị Kiều N với Công ty TNHH dịch vụ hỗ trợ thu hồi nợ tài chính Toàn Quốc không còn hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 theo quy định của pháp luật.

3.3 Về nợ gốc: Ngày 10/4/2019 ông Bùi Minh T, bà Nguyễn Thị Kiều N có cho bà Lê Thị H vay số tiền 2.388.000.000 đồng, thời hạn thanh toán ngày 10/7/2019. Đến thời điểm trả nợ bà H không thực hiện đúng cam kết trả nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, do đó việc bà Nguyễn Thị Kiều N có đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà số tiền gốc 1.194.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp.

3.4. Về lãi suất phát sinh:

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

- Về lãi suất trong hạn trên nợ gốc: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

- Về lãi suất quá hạn trên nợ gốc: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N chỉ yêu cầu bà Lê Thị H phải trả số tiền lãi trên nợ gốc quá hạn kể từ ngày 11/7/2019 cho đến thời điểm xét xử là có căn, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi trên nợ gốc quá hạn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình vay mượn thì giữa bà N và bà H không xác định rõ mức lãi suất khi cho vay và trong trường hợp có tranh chấp về lãi suất thì mức lãi suất trong hợp đồng được xác định là 10%/năm. Bà N yêu cầu tính lãi suất quá hạn bằng 10%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do đó cần buộc bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kiều N khoản tiền lãi trên nợ gốc quá hạn cho đến ngày xét xử là $1.194.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 02 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 271.834.000 \text{ đồng}$.

[4] Đối với yêu cầu của bị đơn bà Lê Thị H cho rằng đối với số nợ 2.388.000.000 đồng thì bà Nguyễn Thị Kiều N đã ký hợp đồng ủy quyền với Công ty thu hồi nợ, do đó số nợ trên bà chỉ có trách nhiệm trả nợ cho Công ty thu hồi nợ, Hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng ủy quyền thu hồi nợ giữa bà Nguyễn Thị Kiều N với

Văn phòng đại diện Công ty TNHH dịch vụ hỗ trợ thu hồi nợ tài chính Toàn Quốc và văn bản thỏa thuận về việc gia hạn nợ ngày 30/8/2019 không còn hiệu lực theo quy định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H đưa ra.

Trường hợp các đương sự có tranh chấp về hợp đồng ủy quyền thu hồi nợ ngày 24/5/2019 thì có quyền khởi kiện thành một vụ án khác.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận là phù hợp.

[5] Đối với số tiền 1.194.000.000 đồng bà Lê Thị H nợ ông Bùi Minh T đã được giải quyết bằng bản án dân sự sơ thẩm số 45/2021/DSST ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

[6] Về án phí DSST: Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều N được chấp nhận nên Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 33; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; điểm h khoản 1 Điều 6 Luật đầu tư năm 2020; Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều N, buộc bà Lê Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kiều N tổng số tiền 1.465.834.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm ba mươi tư nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 1.194.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm chín mươi tư triệu đồng*), tiền lãi phát sinh là 271.834.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi một triệu tám trăm ba mươi tư nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị H phải nộp 55.975.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kiều N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.910.000 đồng (*Hai mươi ba triệu chín trăm mười nghìn đồng*) theo biên lai số 0006706, ngày 22 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện ĐắkMil;
- Chi cục THA dân sự huyện Đ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thế Thắng